

Năm mươi khuyến nghị hàng đầu

Trong toàn bộ bản báo cáo đã đưa ra nhiều khuyến nghị. Nhưng trong phần này sẽ tóm lược và xây dựng 50 đề xuất có ý nghĩa quan trọng nhất để cải thiện ODA môi trường. Những khuyến nghị này được xây dựng như một tập hợp những nguyên tắc và hành động mà Chính phủ và cộng đồng các nhà tài trợ, có thể và cần thiết thực hiện.

Một điểm cần nhấn mạnh là nếu xét theo quy mô thay đổi đang diễn ra trong các nguồn tài nguyên của Việt Nam thì tỷ lệ dành để duy trì các nguồn tài nguyên trong tổng viện trợ ODA (và các nguồn vốn của Chính phủ) là đang thiếu trầm trọng. Nếu như có được một cơ may thực sự nào đó, để đảo ngược được tình trạng suy thoái môi trường trong thời gian 10 năm tới, thì Chính phủ và các đối tác quốc tế, cần phải tăng tỷ lệ viện trợ ODA môi trường từ 10 đến 20 % tổng viện trợ ODA đang chảy vào đất nước. Điều này không có nghĩa vẫn duy trì cách thức quy hoạch và cung cấp ODA như thường lệ trong khi tăng quy mô lớn hơn, mà cần phải có cách thức khác trong lập kế hoạch và phân bổ ODA. Cần có sự định hướng lại một cách căn bản các loại hình viện trợ như khuyến nghị trong phần này.

Để có hiệu quả, không phải chỉ số lượng mà chất lượng viện trợ ODA cũng cần được thay đổi.

Các nguồn tài nguyên thiên nhiên

1. Chú trọng hơn đến các dự án phân tích chính sách và quy hoạch

Cần tăng số lượng các dự án để giúp các nhà lập chính sách và quản lý TNTN của Việt Nam phát triển được các hệ thống ngăn ngừa suy thoái môi trường. Các dự án này gồm: Các dự án có mục tiêu cụ thể xây dựng các năng lực thể chế ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện, về phân tích chính sách tổng hợp liên ngành. Các cán bộ trong nước cần phải tăng cường năng lực trong việc đánh giá các giải pháp lựa chọn về chính sách và các ảnh hưởng của các chính sách thuộc các ngành TNTN, đối với các chỉ tiêu môi trường và xã hội, cũng như các chỉ tiêu sản lượng.

2. Tiến hành trước mọi sáng kiến dự án lớn bằng giai đoạn chuẩn bị dài để xây dựng các thể chế và các phương pháp thí điểm

Các dự án lớn cũng như nhỏ cần phải có giai đoạn chuẩn bị, từ một đến 5 năm để có được các thành phần thuộc nhóm loại trình bày trong Khung 10.5, trong đó có chú trọng đến xây dựng năng lực, tăng cường thể chế và các hoạt động thí điểm đa dạng.

3. Chú trọng hơn đến công tác quản lý tốt hơn các nguồn TNTN bị lãng quên

Trọng tâm của ODA sẽ còn tiếp tục đối với công tác phục hồi các diện tích đất trống. Quản lý các hệ thống thiên nhiên • đặc biệt là các cánh rừng tự nhiên, các hệ thống ven biển và biển, các vùng đất ngập nước, các khu bảo tồn trong các vùng ĐDSH nguy kịch • hiện nhận được viện trợ ODA ít hơn yêu cầu cấp bách.

Cần có được các dự án cơ bản, có trọng tâm cụ thể để quản lý tốt hơn những gì còn lại trong các hệ thiên nhiên của Việt Nam.

4. Cần ưu tiên hơn đến phân cấp năng lực quản lý và cung cấp viện trợ ODA

Có nguy cơ ODA dành cho lĩnh vực môi trường đang gây cản trở cho những thay đổi về thể chế, mà chính viện trợ ODA muốn thúc đẩy, thông qua việc rót hầu hết viện trợ ODA qua Bộ NN&PTNT. Cần phải phân cấp các dự án tới cấp tỉnh và cấp thấp hơn. Các tỉnh và các huyện cần nhận được phần lớn các ODA môi trường dành cho ngành TNTN, theo thiết kế dài hạn, với quy mô và nhịp độ phù hợp với các điều kiện địa phương.

5. Tập trung nhiều hơn viện trợ ODA cho việc xây dựng các cơ chế giải quyết các tranh chấp về quyền lợi giữa các ngành

Các ưu tiên của Chính phủ thường mâu thuẫn nhau trong toàn bộ ngành TNTN (như, mâu thuẫn giữa trồng rừng ngập mặn với nuôi tôm, với việc bảo vệ môi trường ven biển; hoặc mâu thuẫn giữa các khu bảo tồn với việc phát triển nông thôn). Các dự án ODA cần nhận biết và giải quyết những lợi ích đa ngành như vậy. Chính phủ cũng với sự hỗ trợ của nhà tài trợ, cần làm việc, xác định các cơ quan giải quyết tranh chấp một cách công khai và mạch lạc về quản lý tài nguyên và sử dụng đất tại cấp cơ sở.

6. Cần chính thức thiết lập mối quan hệ giữa các dự án cơ sở với quá trình hoạch định chính sách ở cấp Trung ương.

Các dự án sẽ có hiệu quả cao hơn, khi các dự án đó có các thành phần về thể chế và chính sách, được liên hệ với các thành phần ở cơ sở, sao cho những đổi mới của thành phần có thể áp dụng được cho thành phần khác. Một nhóm các sáng kiến dự án ODA • trong hồ sơ dự án của một nhà tài trợ đơn lẻ, hoặc giữa các nhà tài trợ • được xây dựng dựa vào các bài học rút ra và truyền thông các bài học đó, sẽ có khả năng thông tin tốt hơn cho khung cảnh chính sách rộng hơn các dự án đơn lẻ tác nghiệp biệt lập.

7. Xây dựng dựa trên cơ cấu và chuyên môn của cơ sở

Trong các dự án do cơ sở thực hiện, quyền làm chủ của phía Việt Nam và cuối cùng là tính hiệu quả của dự án, sẽ được nâng cao bằng việc sử dụng cơ cấu và cán bộ của Việt Nam. Các dự án cần có các phương pháp tiếp cận linh hoạt có sự tham gia rộng rãi, tập trung vào cấp xã và cấp thôn.

8. Các cam kết ODA cần phải dựa vào các đầu vào nhất quán, dài hạn và ở cấp thấp

Các mối quan hệ lâu dài và xây dựng lòng tin thông qua các cam kết nhất quán ở cấp thấp và các dự án nhiều giai đoạn trong thời gian dài, là các cơ cấu có hiệu quả, phục vụ công tác chuyển giao ODA môi trường. Các can thiệp với quy mô lớn và trong thời hạn ngắn, thường gặp nhiều vấn đề nan giải.

9. Cần tăng cường đáng kể viện trợ ODA cho các vùng ĐDSH nào được xác định ưu tiên bảo tồn cao nhất.

Các vùng ĐDSH của Việt Nam đã được xác định, thẩm định và xếp thứ tự ưu tiên nhằm xác định những vùng cần được viện trợ ODA ngay. Hoạt động này

được triển khai nhằm minh họa việc sử dụng công cụ sắp xếp các ưu tiên mà công cụ này giúp hướng dẫn cho Chính phủ phân định được các vị trí địa lý để phân bổ các nguồn lực và viện trợ ODA.

Chính phủ, với sự trợ giúp mạnh mẽ của nhà tài trợ, cần nghiên cứu lại quá trình xác định các vùng ĐDSH ưu tiên này và sau đó soạn thảo các kế hoạch hành động cho các vùng đó, là những vùng rất cần được quản lý tổng hợp.

Các khu vực đô thị và công nghiệp

10. Đánh giá và tăng cường năng lực thể chế của các cơ quan thực hiện trước khi bắt đầu dự án

Cần phải đánh giá kỹ lưỡng năng lực của các cơ quan thực hiện, chẳng hạn các Sở KHCN&MT các tỉnh trước khi các dự án bắt đầu. Các cơ quan thực hiện dự án cần phải có các kiến thức kỹ thuật, các kỹ năng về tiếng Anh và năng lực về tổ chức, để thực hiện các dự án và thụ hưởng viện trợ tài chính và các chuyên gia nước ngoài. Nếu không đủ các năng lực trên, để hỗ trợ một dự án lớn, thì phải có một giai đoạn chuẩn bị đủ thời gian, giống như loại giai đoạn chuẩn bị đề nghị cho các dự án TNTN, nhằm xây dựng các kỹ năng cần thiết và tăng cường các cơ quan tham gia, để các cơ quan đó có thể đảm đương một cách có hiệu quả các trách nhiệm bổ sung này.

11. Khuyến khích thực nghiệm và đổi mới ở cấp cơ sở

Không một cơ quan hay nhà tài trợ nào, có câu trả lời "đúng" cho vấn đề phát triển bền vững. Cần phải khuyến khích thực nghiệm và đổi mới ở cơ sở, để đối phó với các thách thức gặp phải trong các khu vực đô thị và công nghiệp. ODA có một vai trò quan trọng trong việc tài trợ các dự án, nuôi dưỡng các sáng kiến mới và các ý tưởng xuất phát từ cơ sở. Cũng cần phải xây dựng các thủ tục quy định, để cho phép sửa đổi các Quy định nhiệm vụ (TOR), khi các cơ quan thực hiện gặp phải những cản trở, hoặc tìm ra được các chiến lược mới để đáp ứng các mục tiêu của dự án. Cần khuyến khích các cơ chế phản ánh và đáp ứng có đổi mới trước các rào cản thực hiện dự án.

12. Kết hợp các vấn đề môi trường với cải cách doanh nghiệp Nhà nước

Ngành công nghiệp Việt Nam đang trải qua những cải cách lớn. Việc cải cách các doanh nghiệp Nhà nước - chẳng hạn như thay đổi về quản lý, các quy trình cổ phần hóa và việc xóa bỏ bao cấp - cần kết hợp với các mối quan tâm về môi trường. Các dự án ODA có thể giúp đưa vào chương trình cải cách các doanh nghiệp Nhà nước, các chiến lược môi trường và đặc biệt, ngăn ngừa ô nhiễm và các chiến lược có hiệu quả. Chắc chắn, trong các trường hợp có các lý do về việc làm, Chính phủ lựa chọn để duy trì hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước khó khăn, thì các nhà máy đó không được để tiếp tục gây ra các chi phí cao về môi trường và sức khỏe cộng đồng.

13. Nâng cao khả năng truy nhập thông tin môi trường của cộng đồng

Kinh nghiệm trong vùng cho thấy sức ép của công chúng có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các mục tiêu môi trường ở các khu vực đô thị và công nghiệp. Các dự án ODA thường có đòn bẩy để khuyến khích công chúng biết được nhiều thông tin hơn và tăng cường nhận thức của công chúng về các biện pháp hoán đảo giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Các nhà tài trợ cần sử dụng đòn bẩy này, để tăng cường vai trò của công chúng

trong các chương trình bảo vệ môi trường. Các Ngân hàng phát triển đã phương cần yêu cầu dịch sang tiếng Việt các báo cáo ĐTM các dự án do họ tài trợ, để cho công chúng được biết. Ngoài ra, các báo cáo hàng năm về tình trạng môi trường do Cục MT soạn thảo, cần được phân phát rộng rãi trong công chúng.

14. Đưa vào áp dụng chế độ đấu thầu cạnh tranh cho vai trò của các cơ quan thực hiện dự án

Trong việc chỉ định các cơ quan Nhà nước soạn thảo và thực hiện các dự án ODA (như được nêu trong Điều 21, Mục 2 của Quy định 871CP), cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước cần đề ra một chế độ cạnh tranh giữa các cơ quan muốn được chỉ định làm cơ quan thực hiện dự án ODA.

Đối với một dự án ODA, thường có nhiều cơ quan muốn được tham gia. ở một vài trường hợp, việc lựa chọn cần được dựa trên nhiệm vụ của cơ quan, nhưng trong một số trường hợp khác, sự lựa chọn cần được dựa trên việc soạn thảo các đề xuất của một số cơ quan có quan tâm.

15. Cần thúc đẩy mạnh mẽ sự cộng tác giữa các cơ quan quản lý và các cơ sở nghiên cứu trong các dự án ODA.

Hợp tác giữa cơ quan Nhà nước, đặc biệt là các cơ quan quản lý và nghiên cứu môi trường với các trường Đại học là rất thiết yếu cho việc thực hiện hiệu quả các dự án ODA môi trường. Cần thành lập các đơn vị quản lý dự án theo hướng tạo điều kiện dễ dàng cho sự hợp tác này.

Thông thường, các cơ quan quản lý (chẳng hạn như Cục MT, Bộ KH&CN & MT) dễ tiếp cận với các dự án ODA hơn, cung cấp các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm, các trang thiết bị, các phương tiện kỹ thuật và các cơ hội cho việc chuyển giao kiến thức và công nghệ, nhưng họ lại bị hạn chế về nguồn cán bộ kỹ thuật và các năng lực khác, để tiếp thu được sự trợ giúp. Mặt khác, một số các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy có đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật được đào tạo tốt hơn, nhưng vì nhiệm vụ được giao của họ, họ khó có thể tiếp cận được các dự án ODA. Hợp tác giữa hai loại cơ quan Nhà nước này phải là hai bên cùng có lợi và phải dẫn đến việc thực hiện dự án ODA một cách có hiệu quả hơn. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp là các dự án môi trường đòi hỏi các nguồn đóng góp đa ngành.

Việc thành lập các đơn vị quản lý dự án, theo Điều 25 Nghị định 87/CP, sẽ thúc đẩy sự hợp tác này với những đơn vị, bao gồm đại diện của các cơ quan tham gia chính. Ví dụ, Dự án giảm ô nhiễm công nghiệp ở Việt Trì của UNDP đáng ra có thể có thành công hơn, nếu cơ quan tham gia thuộc Trung tâm Quản lý Môi trường của tỉnh Vĩnh Phú thiết lập được các quan hệ làm việc chặt chẽ thông qua đơn vị quản lý dự án, với Trung tâm KH&CNMT của Đại học Bách khoa Hà Nội và Trung tâm Kỹ thuật môi trường các khu công nghiệp và đô thị, Đại học Xây dựng Hà Nội. Cũng như vậy, dự án BVMT các mỏ than lộ thiên ở Quảng Ninh của UNDP cần có sự tham gia tích cực của Sở KH&CN & MT Quảng Ninh, thông qua đơn vị quản lý môi trường của mình.

16. Cần ưu tiên cao cho việc xây dựng các dự án ODA trên cơ sở các sáng kiến của địa phương

Trong việc lựa chọn các dự án ODA cần ưu tiên cho các đề xuất dựa trên các hoạt động thực tiễn đã được thực hiện ở Việt Nam, trong đó có sử dụng các nguồn lực do Chính phủ, hoặc các cơ quan của Việt Nam cung cấp.

Cũng như vậy, trong việc lựa chọn các cơ quan thực hiện dự án ODA, cần ưu tiên các cơ quan đã thực hiện được những hoạt động thực tế, trong đó có sử dụng nguồn lực riêng của họ, hoặc các nguồn lực do Chính phủ cung cấp • tức là, các cơ quan đã có thành tích sử dụng đúng đắn ngân sách và quỹ thời gian của các nhân viên cho các vấn đề có liên quan đến dự án.

Bảo vệ Môi trường

17. Cung cấp hỗ trợ ODA cho việc soạn thảo và thực hiện kế hoạch quốc gia về môi trường, 2001-2010,

Chiến lược 10 năm mới của Chính phủ về BVMT và phát triển bền vững là một cơ sở khung thiết yếu và cấp bách cho các ưu tiên để hướng dẫn việc phân bổ nguồn ODA. Cần có hỗ trợ để hoàn chỉnh được khung chính sách, trong đó bao gồm một loạt các ưu tiên hành động mang tính phân tích và hệ thống cao; hệ thống các ưu tiên này là kết quả của sự bàn bạc và thống nhất liên ngành; mọi người cần tôn trọng các ưu tiên này và đưa chúng vào trong kế hoạch tổng thể phát triển KT-XH của Chính phủ.

Kế hoạch môi trường Quốc gia cần bao gồm việc xác định rõ các vùng ĐDSH và coi đó là phương pháp cốt yếu để xây dựng các ưu tiên hành động. Kế hoạch này cũng cần định rõ việc sắp xếp tổ chức thực hiện, trong đó bao gồm yêu cầu mỗi ngành phải lồng ghép kế hoạch này với các kế hoạch và ngân sách phát triển hàng năm và 5 năm của ngành mình.

18. Hỗ trợ việc xây dựng một tập hợp các số chỉ thị phát triển bền vững Quốc gia.

Chiến lược môi trường cần phải có cam kết xây dựng một khung toàn diện các số chỉ thị phát triển bền vững, sao cho khung này có khả năng thường xuyên đánh giá được các tiến bộ và phản hồi được để gây ảnh hưởng cho các hành động và chính sách trong tương lai.

Công việc này cần được hỗ trợ thông qua nhóm các nhà tài trợ và mỗi một ngành trong Chính phủ, để nâng cao được nhận thức và xác định được các số chỉ thị phù hợp. Tập hợp các số chỉ thị đó cần tạo ra được cơ sở phục vụ quá trình đánh giá tình trạng môi trường hàng năm, có sự tham gia của các ngành và chính quyền địa phương trong giám sát và lập báo cáo tiến độ.

19. Hỗ trợ việc soạn thảo bộ luật toàn diện về quy hoạch phát triển bền vững.

Luật này đã được đề xuất đầu tiên trong Chiến lược Bảo tồn Quốc gia, đã được nhắc lại trong Kế hoạch Môi trường và Phát triển Bền vững Quốc gia, và cũng được nhắc lại trong Kế hoạch Hành động Đa dạng sinh học. Luật này sẽ đề ra các nguyên tắc phát triển bền vững, xác định các vai trò và trách nhiệm của các cấp chính phủ, và đề ra các quy trình quy hoạch.

20. Lắp ráp chương trình hỗ trợ trong từng Bộ và Cơ quan của Chính phủ để xây dựng năng lực thực hiện các nhiệm vụ về môi trường

Cần xem xét lại vai trò có liên quan đến môi trường trong công việc của các Bộ, các Ngành chủ chốt của Chính phủ, để có được một kế hoạch hành động nhằm đưa các phương thức môi trường thoả đáng vào trong chương trình của các Bộ trên. Cần ưu tiên tới các cơ quan Chính phủ, có các tác động tiêu cực nhất đối với môi trường (chẳng hạn Bộ Xây dựng, Bộ Công nghiệp và một số các cơ quan của Bộ NN &PTNT), và ưu tiên cho các Bộ có nhiều hứa hẹn về việc thực hiện các mục tiêu môi trường (như Bộ GD&ĐT, Tổng cục Du lịch và Bộ Y tế).

Các ngành cần nhận được hỗ trợ ODA dài hạn, để xây dựng các đơn vị và các thủ tục quy định về môi trường của mình, có cộng tác chặt chẽ với Cục MT.

21. Cần có cam kết ODA dài hạn để xây dựng các năng lực quản lý, hành chính và kỹ thuật cho các sở KH&MT

Định hướng các dự án ODA cho xây dựng năng lực, nhất là cho các sở KH&MT các tỉnh là đúng. Tuy nhiên, chắc chắn sẽ mất thời gian để xây dựng năng lực ở nhiều sở KH&MT, do các kỹ năng kỹ thuật yếu kém, không có các kỹ năng tiếng Anh, yếu trong quản lý nội bộ.

22. Tăng cường năng lực cho Cục MT và Ủy ban GEF của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác quỹ.

Ba cơ quan thực hiện GEF (WB, UNDP, UNEP) cần đảm bảo thực hiện đào tạo cần thiết về các thủ tục GEF; các bố trí tổ chức để điều phối và quản lý GEF sẽ sớm được thực hiện có hiệu quả hơn; và để đảm bảo Việt Nam sẽ nhận được đầy đủ tài trợ của GEF. Chính phủ cần phải đảm bảo cung cấp hỗ trợ và ngân quỹ cho Ủy ban GEF và uỷ bản GEF phải có quan hệ trực tiếp với Ban ODA của Bộ KH & ĐT.

Bước đầu tiên, cần phải tiến hành đánh giá kinh nghiệm GEF ở Việt Nam, để xác định các bài học và các chiến lược thực tế cải thiện khả năng với tới quỹ GEF.

23. Xây dựng bộ phận ngôn ngữ và phiên dịch mạnh đối với tất cả các dự án môi trường.

Tất cả các cố vấn quốc tế làm việc dài hạn trong tất cả các chương trình và dự án môi trường cần được cung cấp kinh phí để học một chương trình bắt buộc tiếng Việt từ 4 đến 6 tuần, trước khi nhận nhiệm vụ. Khi điều kiện cho phép có thể đào tạo trong quá trình thực hiện dự án. Cũng như vậy, các dự án cần phải có các chương trình đào tạo tiếng Anh cho các cán bộ Việt Nam. Đồng thời, tất cả các dự án môi trường cần phải có các vị trí nhân viên phiên dịch và biên dịch thường trực.

24. Xúc tiến thẩm định môi trường chính sách kinh tế vĩ mô

Điều quan trọng là phải đạt được một sự hiểu biết tốt hơn về ảnh hưởng của các chính sách đối với môi trường và phải hiểu rõ rằng các chính sách đó sẽ tăng cường hoặc làm giảm đi khả năng đạt được phát triển bền vững. Đây là một lĩnh vực nghiên cứu tương đối mới đối với Việt Nam và Quốc tế, vì vậy cần thử nghiệm trước, nhằm đề ra được những phương pháp, để sau này sử dụng thường xuyên. Cần thực hiện những bước đầu tiên đánh giá những ảnh hưởng của môi trường đối với các chính sách phát triển, thông qua giai đoạn 1 của

dự án Năng lực 21 của Bộ KH&ĐT/UNDP. Giai đoạn 2 sẽ tiếp tục xem xét các phương tiện dùng trong việc đánh giá chính sách. Nhưng cần có trợ giúp nhiều hơn cho lĩnh vực này, và các hoạt động cần được xúc tiến trên cơ sở hợp tác.

Giáo dục, đào tạo và nghiên cứu

Phát triển thể chế

25. Bộ GD&ĐT cần được hỗ trợ để thành lập và duy trì một Nhóm Hỗ trợ Quốc tế về giáo dục, đào tạo và nghiên cứu môi trường

Xây dựng dựa vào các bài học qua đánh giá Nhóm hỗ trợ quốc tế của Bộ NN&PTNT, cần một nhóm như vậy trực thuộc Bộ GD&ĐT (hợp tác với Bộ KH&ĐT/Cục MT) để thu hút những cơ quan có vai trò chủ chốt trong GD&ĐT. Các nhà tài trợ sẽ có cơ hội trao đổi thông tin và cùng thảo luận về các dự án về GD&ĐT, và nhóm này cũng sẽ đóng góp vào việc nâng cao nhận thức và là một động lực khuyến khích các cán bộ trong Bộ GD&ĐT.

26. Chính phủ cần định rõ trách nhiệm quyền hạn của Bộ GD&ĐT và Bộ KH&ĐT trong giáo dục và đào tạo môi trường

Ngay trong nội bộ chính phủ, chưa có sự sắp xếp đầy đủ trên phương diện quốc gia cho việc điều phối các hoạt động có liên quan đến GD&ĐT môi trường. Cần phải phân biệt rõ hơn trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bộ và cần thiết lập các cơ chế có hiệu quả cho sự phối hợp giữa 2 bộ này.

Nghiên cứu

27. Các nhà tài trợ cần tích cực cùng chính phủ, khai thác các cơ hội để có hỗ trợ ODA nhiều hơn cho các viện môi trường thuộc Trung tâm KHTN&CNQG

Trung tâm này cần được sự chú ý lớn hơn của các nhà tài trợ để tăng cường năng lực nghiên cứu ứng dụng đối với nhiều lĩnh vực, như bảo tồn ĐDSH, quản lý biển và ven bờ, các vùng đất ngập nước, ĐTM và GIS, và kết nối công việc này một cách thực tiễn với các cơ quan quản lý của Chính phủ.

Giáo dục tiểu học và trung học

28. ODA cần đóng một vai trò quan trọng hơn trong xây dựng các năng lực giáo dục môi trường ở các trường và đào tạo giáo viên môi trường.

ODA cần chú ý tới các nỗ lực của Việt Nam trong việc đáp ứng các nhu cầu của đất nước đối với giáo dục tiểu học và trung học. Có nhu cầu cấp thiết về, 1) Sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy tốt hơn và cập nhật hơn, liên quan đến môi trường, và 2) Nâng cao hiểu biết, khả năng đánh giá và các kỹ năng về môi trường của giáo viên và tác động qua lại giữa môi trường và các vấn đề kinh tế và xã hội. Các khoá học, hội thảo và tập huấn được soạn theo nhu cầu từng đối tượng, có thể đáp ứng một cách có hiệu quả các nhu cầu này.

29. Các nhà tài trợ cần hỗ trợ đánh giá các sáng kiến giáo dục môi trường trong các trường đã xúc tiến đến nay.

Chính phủ đã đáp ứng được nhu cầu đưa giáo dục môi trường vào hệ thống giáo dục quốc gia, thông qua các chính sách khác nhau. Nhưng vẫn chưa nhận ra mức độ thành công của các nỗ lực tiếp sau đó, và vẫn chưa có một sự nhất trí chắc chắn về phương pháp tốt nhất, để thực hiện các chỉ thị của chính

phủ. Cần xem xét lại vấn đề này, để xác định điểm mạnh và điểm yếu nhằm định ra được các hoạt động hỗ trợ khắc phục.

Giáo dục bậc đại học

30. Cần có thêm ODA môi trường hỗ trợ cho đào tạo bậc đại học ở Việt Nam

Các hỗ trợ dành cho sinh viên Việt Nam ở các trường ĐH có tầm quan trọng và có hiệu quả. Đối tượng cần hỗ trợ gồm; 1) các sinh viên theo học các khoá về khoa học môi trường, hoặc về quản lý TNTN tại các trường đại học của Việt Nam, 2) sinh viên từ các vùng nông thôn - đặc biệt là phụ nữ từ các vùng nông thôn, và 3) hỗ trợ sinh viên năm thứ nhất, vì tỉ lệ bỏ học cao khi gặp khó khăn về tài chính.

WB hiện đang cung cấp một khoản cho vay nhằm tăng cường hệ thống đại học, cần phải dành một phần đáng kể cho thành phần môi trường và phát triển bền vững.

31. Các nhà tài trợ cần thẩm định chất lượng của các khoá đào tạo đại học ở nước ngoài mà họ đang trợ giúp và cần định ra các tiêu chuẩn tối thiểu.

Một số nhà tài trợ cấp học bổng cho phép sinh viên Việt Nam học các khoá thạc sĩ và tiến sĩ ở Phương Tây. Cần kiểm tra chất lượng của một số chương trình được soạn riêng cho sinh viên từ các nước phát triển. Một số chương trình quá hời hợt không đủ trình độ chuyên môn cần có đối với bằng thạc sĩ và tiến sĩ được quốc tế công nhận, sau này có thể làm cho sinh viên khó khăn trong công việc.

32. Các quan hệ kết nghĩa và các chương trình trao đổi giữa các viện trường Việt Nam với nước ngoài cần được khuyến khích tích cực.

Các chương trình hợp tác nghiên cứu ứng dụng dựa trên quan hệ kết nghĩa đang được thực hiện tốt ở Việt Nam khi được hỗ trợ lâu dài. Những mối quan hệ như vậy cần bao gồm việc trao đổi chuyên gia, theo đó các cán bộ Việt Nam ra nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy và nghiên cứu.

Đào tạo

33. Chính phủ và các nhà tài trợ cần tạo ra và hỗ trợ một mạng lưới các trung tâm đào tạo môi trường

Ngày càng nhiều các trung tâm có ý định đào tạo và cung cấp các dịch vụ thuộc các khía cạnh có liên quan đến quản lý môi trường. Hiện chưa có một hệ thống nào khuyến khích tính nhất quán và chất lượng của các chương trình đào tạo như vậy. ODA có thể hỗ trợ rất tác dụng cho việc thành lập một mạng lưới các trung tâm đào tạo có nhiều hứa hẹn nhất, những trung tâm đó sẽ có thể là mục tiêu của việc tăng cường và phát triển các phương pháp, giáo cụ và chương trình giảng dạy

34. Cần nhiều hỗ trợ ODA để đảm bảo cho các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò tích cực trong giáo dục môi trường

Có ít các dự án ODA nhấn mạnh tới vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao giáo dục và nhận thức môi trường. Các chương trình đài phát thanh và vô tuyến truyền hình, có thể đóng góp thường xuyên vào việc hiểu biết và nâng cao nhận thức tốt hơn bất cứ văn bản viết nào, và những phương tiện này có thể đến được với mọi người khi sinh hoạt cũng như làm việc.

35. Các nhà tài trợ cần giữ vai trò tích cực hơn để các chuyên gia trẻ về môi trường tham gia các dự án ODA của họ

Cần có một chiến lược lâu dài để phát triển đội ngũ các chuyên gia trẻ về môi trường. Sẽ có tác dụng đối với các nhà tài trợ, nếu họ phát triển đội ngũ các chuyên gia môi trường quốc gia, trong đó có các chuyên gia trẻ. Những người này có thể trở thành đối tượng để đào tạo và làm tư vấn ngắn hạn. Cũng cần đề ra các chương trình "thực tập", trong đó các chuyên gia môi trường trẻ được dành 6 tháng làm việc với các tổ chức quốc tế. Các NGO có thể đóng vai trò chủ chốt trong việc hỗ trợ và đào tạo các chuyên gia môi trường trẻ.

Các vấn đề đan xen

36. Cần xây dựng một dự án toàn diện để giúp Bộ KH&ĐT về xây dựng năng lực, các thủ tục quy định và các cơ chế điều phối và giám sát ODA

Tuy xu thế phân cấp ODA là xu thế tích cực, nhưng Chính phủ và các nhà tài trợ nói riêng, cần phải nhạy cảm với khả năng manh mún và chông chéo, cũng như ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng các mối liên kết điều phối có hiệu quả và các luồng thông tin cho cấp trung ương.

37. Mỗi nhà tài trợ cần một chuyên gia "bắc cầu" để tạo điều kiện dễ dàng thực hiện hiệu quả các chương trình ODA môi trường

Cần có các nhân viên Việt Nam đóng vai trò làm cầu nối giữa các nhà tài trợ và các tổ chức Việt Nam. Những người này cần có những hiểu biết chuyên môn về các vấn đề liên quan, cần biết các mục tiêu và quy trình của các nhà tài trợ, có sự hiểu biết về khung cảnh chính trị và thể chế Việt Nam, và có kỹ năng giao tiếp tốt. Một điều quan trọng là phải xác định và ủng hộ những người trẻ thực hiện vai trò đó. Có thể tăng cường qua từng dự án những loại cá nhân này, và cần để cho họ được thụ hưởng các chương trình có trọng tâm tăng cường năng lực hơn.

38. Chính phủ và các nhà tài trợ cần kiểm điểm lại các kinh nghiệm thực hiện quốc gia cho đến nay, để có thể xác định một tập hợp các nguyên tắc có hiệu quả thực tế hơn nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho quy trình.

Mặc dù có sự thống nhất chung về mục đích thực hiện của nhà nước, giữa chính phủ và cộng đồng các nhà tài trợ vẫn ít thống nhất về tiến độ và hình thức thực hiện. Kinh nghiệm của Việt Nam trong quản lý các chương trình ODA lớn vẫn còn hạn chế và các năng lực và các quy trình thể chế có liên quan vẫn chưa vào nề nếp. Một vài trường hợp vẫn còn thực hiện vội vã không xem xét đầy đủ đến năng lực thể chế và nguồn nhân lực của bên được hưởng viện trợ.

39. Tập thể các nhà tài trợ cần làm việc với chính phủ để xây dựng các phương pháp phân tích năng lực thể chế, nhằm giúp định hình giai đoạn chuẩn bị cho các dự án viện trợ môi trường

Các dự án không phải lúc nào cũng được triển khai theo hướng phù hợp và giúp xây dựng năng lực thể chế của tổ chức nhận viện trợ. Thường là, một khái niệm dự án đáng ra phải chi tiết hoá và nhóm lại thành các nhóm hoạt động, trong đó bao gồm các hoạt động tăng cường thể chế có tính cấp bách nhiều hơn, như được đề nghị trong khuyến nghị 2. Các nhà tài trợ và chính phủ cần có các phương pháp tiến hành các phân tích thể chế, nhằm đánh giá đầy đủ các điểm mạnh và các nhu cầu của các tổ chức có khả năng là đối tác.

40. Chính phủ phải đưa vào áp dụng các chính sách và các thủ tục rõ ràng nhằm thúc đẩy, khuyến khích và tạo ra các yếu tố khuyến khích chia sẻ thông tin về các dự án môi trường.

Các thông tin về các dự án ODA không được chủ động chia sẻ trong nội bộ chính phủ, điều này dẫn đến sự trùng lặp các nỗ lực và lãng phí các nguồn lực. Các cơ quan của chính phủ cần được khuyến khích chủ động đứng ra triệu tập các cuộc họp thường lệ của các nhóm dự án môi trường, dưới sự quản lý của mình, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc trao đổi thông tin, cho các hoạt động hợp tác và chia sẻ chuyên môn.

Các nhà tài trợ và chính phủ cần chú ý nhiều hơn tới việc bảo đảm sao cho tất cả các tài liệu liên quan đến đề xuất dự án đều sẵn có bằng cả hai thứ tiếng.

41. Chính phủ cần có chính sách cho mỗi ngành, nhằm thiết lập và duy trì một Nhóm hỗ trợ quốc tế, giống điển đàn đang tiến triển của Bộ NN&PTNT

Có 2 giai đoạn chính trong chu kỳ dự án ODA, trong đó sự điều phối là đặc biệt quan trọng: trong giai đoạn ý tưởng và thiết kế; và trong khi thực hiện. Sự phối hợp trong giai đoạn thực hiện là đặc biệt quan trọng và cần có sự tham gia của các nhóm dự án đã quen thuộc với từng chi tiết của dự án. Thường thì chỉ khi nào dự án đang được thực hiện, người ta mới thấy rõ các cơ hội bổ sung. Cần có sự linh hoạt trong quản lý và cơ sở khung dự án.

Các nhà tài trợ sẽ cần phải có vai trò hỗ trợ mạnh mẽ trong việc đề ra các phương tiện trên. Trong bước đầu, cần phải đề ra một loạt các nguyên tắc chỉ đạo và các thủ tục, nhằm nâng cao tính hiệu quả của Nhóm hỗ trợ quốc tế và các cơ chế điều phối tương tự trong ngành.

42. Các nhà tài trợ cần thẩm định ảnh hưởng của các chính sách của nước mình, đáp ứng các mục tiêu các chương trình viện trợ môi trường

Tất cả các nhà cung cấp viện trợ môi trường cho Việt Nam □ song phương cũng như đa phương □ cần tiến hành khảo sát các chính sách của các chính phủ và cơ quan của nước mình trong quan hệ với Việt Nam, đồng thời cũng khảo sát việc cải cách chính sách, mà họ ủng hộ ở Việt Nam một cách trực tiếp và gián tiếp □ và ảnh hưởng của các chính sách và thể chế đó đối với các mục tiêu viện trợ môi trường của họ.

Một cuộc khảo sát như vậy có thể tiến hành cho tất cả □ hoặc cho một nhóm □ các nhà tài trợ ở Việt Nam, do một nhóm hỗn hợp tiến hành trên cơ sở thực nghiệm. Nếu khảo sát do một số ít các nhà tài trợ tiến hành, thì những cuộc khảo sát lúc đầu có thể đưa ra một phương pháp, hoặc cách tiếp cận, rồi sau đó sẽ được điều chỉnh và sử dụng thường xuyên hơn và được coi là một kiểu "kiểm tra chính sách" hàng năm, hoặc là một phiếu báo cáo về tính nhất quán

của chính sách. Việc thực hiện khuyến nghị này sẽ là một thí nghiệm mở đầu có ý nghĩa rất lớn cho viện trợ trên toàn thế giới.

Cần phải xác định được phạm vi của chính sách được thẩm định. Phạm vi cần bao gồm mọi yếu tố trong cải cách kinh tế vĩ mô, nợ và dịch vụ nợ, đầu tư, thương mại và các chính sách liên quan đến cải cách khu vực công cộng. Phạm vi còn cần tập trung vào các chính sách ở nước mình, như khuyến khích xuất khẩu, quy định mua sắm, khai thác thị trường, và các chuẩn mực hành vi của các công ty nước mình hoạt động ở Việt Nam. Khảo sát cũng cần được điều phối chặt chẽ với các đề xuất, nhằm hỗ trợ việc đề ra các phương pháp cho việc đánh giá các chính sách kinh tế có liên quan đến môi trường, như khuyến nghị 24.

43. Chính phủ và các nhà tài trợ cần thực hiện chính sách tăng cường sử dụng các NGO trong việc cung cấp viện trợ

Các nhà tài trợ cần đầu tư vào năng lực của các NGO quốc tế và quốc gia, để thiết kế và thực hiện các chương trình môi trường. Để làm việc này, một phương thức rất tác dụng là thành lập và hỗ trợ các chương trình dài hạn thông qua các NGO. Các chương trình này có thể bao gồm việc xây dựng năng lực và hỗ trợ thể chế cần thiết trong các đối tượng NGO, để quản lý các chương trình đó. Tính chất dài hạn của cam kết như vậy đáng để các NGO quốc tế ưu tiên cho việc xây dựng năng lực của các đối tác Việt Nam.

Có nhiều NGO quốc tế tích cực hoạt động ở Việt Nam với những ngân sách ít ỏi và phạm vi kế hoạch ngắn hạn. Đó không phải là cách sử dụng tốt nhất các nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển bền vững. Các khoản đầu tư dài hạn thông qua các NGO, có thể giúp vượt qua được một số vấn đề về năng lực, khả năng tiếp thu và yếu tố khuyến khích, như đã nêu ở phần chính của báo cáo này.

Các cơ quan viện trợ bị hạn chế nghiêm trọng trong việc đưa ra các cam kết dài hạn, vì ngân sách của họ thường phải theo chu kỳ phê duyệt hàng năm của quốc hội. Đồng thời, tất cả công việc theo các chu kỳ lập chương trình dài hạn đều có các cách đi sáng tạo được tìm ra trước đây, để vượt qua các cản trở mà họ gặp phải về khía cạnh này. Có thể xây dựng được các cơ chế cho phép có được một phương pháp tiếp cận dài hạn có hiệu quả đối với các NGO, ngay cả trường hợp phải phụ thuộc vào sự phê chuẩn hàng năm về các mức tài trợ.

Cần rút ra các kinh nghiệm của các nhà tài trợ song phương, chẳng hạn Thụy Sĩ, với kinh nghiệm làm việc lâu dài với các NGO thông qua các thoả thuận khung và các chương trình dài hạn, để làm hướng dẫn cho các nhà tài trợ khác trong cộng đồng nhà tài trợ ít kinh nghiệm hơn và ít sự hỗ trợ về chính trị hơn, nhằm có thể đưa ra những cam kết dài hạn loại này.

Các nguồn viện trợ ODA môi trường mới và mở rộng

44. Tập đoàn các nhà tài trợ cần xác định một chiến lược với chính phủ để thử nghiệm một số quỹ môi trường

Các nhà tài trợ cần thử nghiệm một, hoặc nhiều quỹ môi trường, nhằm đạt được một mức độ hỗ trợ phù hợp đối với các ưu tiên về môi trường trong một thời gian dài. Các quỹ này có thể dưới dạng đóng góp vốn □ tức là các quỹ uỷ

thác theo đó, khoản lãi có được từ tiền vốn sẽ được sử dụng cho mục đích đã định sẵn của Quỹ; các quỹ được rút ra, trong đó vốn được rút ra theo từng giai đoạn; hoặc các quỹ quay vòng để hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất. Có thể lập ra một số các quỹ như vậy để thử nghiệm, với những nỗ lực có chủ ý nhằm kiểm tra và rút kinh nghiệm theo thời gian.

Các quỹ có thể có phạm vi rộng, bao gồm nhiều loại hoạt động môi trường hoặc có thể giới hạn ở một số ít lĩnh vực (chẳng hạn như quản lý các khu bảo tồn), một số cách tiếp cận nhỏ hơn (ví dụ, xây dựng năng lực), hoặc theo một số vùng địa lý cụ thể (ví dụ, các tỉnh, các thành phố).

45. Tập đoàn các nhà tài trợ hoặc nhà tài trợ đơn lẻ cần xác định một chiến lược với chính phủ để thực hiện chương trình gán nợ với thiên nhiên.

Cần đặc biệt chú ý tới khả năng trao đổi nợ theo "tay ba", theo đó, các món nợ bằng đồng rúp của Việt Nam đối với Nga, hoặc đối với các vùng khác của Liên Xô cũ, được chuyển đổi với vốn của một nước thứ ba, hoặc một nhóm các quốc gia, như vậy sẽ tạo ra số vốn đáng kể ở Việt Nam và làm giảm bớt nợ của Việt Nam và của Nga.

Gây vốn các quỹ môi trường thông qua cách trao đổi nợ, không những cho phép lập được Quỹ ở một mức, cho phép gây ảnh hưởng và có khả năng linh hoạt; mà còn giúp làm giảm bớt gánh nặng nợ của Việt Nam, như vậy sẽ cải thiện được các chỉ số kinh tế của cả Việt Nam và nước chủ nợ trước kia.

46. Chính phủ và các nhà tài trợ cần xác định một chiến lược tận dụng các cơ hội tài trợ cho môi trường theo Nghị định thư Kyoto

Việt Nam hoàn toàn có cơ sở tận dụng các cơ chế linh hoạt đã được Nghị định thư Kyoto công nhận. Với sự giúp đỡ của các nhà tài trợ quan tâm, Việt Nam cần khám phá tiềm năng đảm nhiệm các dự án hỗn hợp và cần quan tâm theo dõi các đàm phán đang diễn ra xung quanh việc buôn bán phát tán và Cơ chế Phát triển Sạch.

47. Các nhà tài trợ và Chính phủ cần đầu tư nhiều hơn cho đào tạo về tính nhạy cảm giao lưu văn hoá cho các cán bộ các cơ quan và dự án quốc tế

Chưa tiến hành đào tạo đầy đủ cho các cố vấn kỹ thuật, cán bộ chương trình và các nhân viên quốc tế chủ chốt khác về các vấn đề văn hoá, chính trị và xã hội của Việt Nam. Có ít nhân viên quốc tế được đào tạo về các vấn đề giao tiếp (chẳng hạn ngôn ngữ, phong cách giao tiếp và tập tục văn hoá), các quy trình đàm phán, hoặc các tập quán hành chính của Việt Nam. Điều này dẫn đến tình trạng không giao tiếp được, chậm trễ trong dự án và các khó khăn lớn hơn. Các cá nhân và các tổ chức phải tốn nhiều thời gian (cả bên tài trợ và bên nhận tài trợ) để tìm hiểu các hệ thống và các thuật ngữ mới. Với việc các nhân viên quốc tế luân chuyển nhanh, nên việc bàn giao kiến thức về văn hoá và về thể chế trong nội bộ các tổ chức tỏ ra kém cỏi.

Một số các nhà tài trợ và các NGO đã tiến hành các chương trình đào tạo về văn hoá và về ngôn ngữ cho các nhân viên của mình, có hợp tác chặt chẽ với các đối tác sở tại. Cần khảo sát các sáng kiến này để có thể chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp với những người khác.

Cần tiến hành nghiên cứu về các nội dung và các tập tục văn hoá làm nền tảng và định hình cho các mối quan hệ liên quan đến ODA. Quảng bá các nội dung trên sẽ dẫn đến sự tôn trọng và hiểu biết hơn nguồn gốc của các mối quan hệ, các hệ thống có các giá trị làm cơ sở cho các mối quan hệ, và cách tiếp cận nhạy cảm hơn đối với các hoạt động giao lưu của viện trợ ODA.

Chiến lược thực hiện

Nghiên cứu các bài học rút ra không phải là một sự kiện nhất thời • mà là một quá trình, trong đó các tổ chức và các cá nhân cùng tham gia, có thể thụ hưởng kinh nghiệm trên cơ sở liên tục. Công trình nghiên cứu này đã tạo ra đợt thông tin phản hồi ban đầu về kinh nghiệm của Chính phủ và các nhà tài trợ trong viện trợ ODA môi trường. Quá trình phản hồi thông tin đó cần được tiếp tục. Có thể quá trình này được tiến hành dưới dạng, ví dụ những điểm kiểm tra thường xuyên về các vấn đề cụ thể đưa ra trong báo cáo này. Theo thời gian, quá trình này cần phải trở thành một bộ phận phương pháp luận của quá trình giám sát viện trợ ODA trong nội bộ Chính phủ và các cơ quan tài trợ.

48. Hướng tới một chương trình thực hiện phối hợp

Các nhà tài trợ tham gia nhóm môi trường do UNDP triệu tập, đã cộng tác với nhau về 2 hoạt động • biên soạn một bản trích yếu viện trợ ODA môi trường và xúc tiến công trình nghiên cứu các bài học này. Một quá trình hơi độc đáo đã bắt đầu, có tiềm năng nở hoa kết trái thành một chương trình cộng tác đầy đủ về các dự án môi trường. Trong báo cáo này có hàng loạt các hành động được khuyến nghị, có thể/cần được, ví dụ một tập đoàn các nhà tài trợ làm việc với Chính phủ hợp tác với nhau thực hiện, như đã tiến hành trong công trình nghiên cứu các bài học này.

Một chương trình phối hợp có thể bao gồm, ví dụ các dự án dưới đây:

- soạn thảo và thực hiện chiến lược môi trường quốc gia • 2001-2010 (khuyến nghị 17);
- Thực hiện Kế hoạch Hành động ĐDSH, kể cả các kế hoạch ĐDSH vùng (Khuyến nghị 18);
- Thành lập các nhóm hỗ trợ quốc tế cho các ngành chủ chốt nhận viện trợ ODA môi trường (xây dựng dựa trên đánh giá kinh nghiệm của Bộ NN&PTNT) (các khuyến nghị 25 và 41); và
- Soạn thảo các chiến lược môi trường ngành (hoặc tăng cường các kế hoạch tổng thể ngành).

Ngoài ra, còn có một số khuyến nghị thực tế có thể lựa chọn qua diễn đàn môi trường của UNDP.

49. Tiến hành hội nghị hàng năm giữa các nhà tài trợ về môi trường.

Khuyến nghị cần có cuộc họp hàng năm giữa các nhà tài trợ về môi trường. Mỗi cuộc họp hàng năm này cần lựa chọn một số ít các chủ đề có tầm quan trọng chủ yếu. Cần mời các diễn giả chủ chốt của Việt Nam và của Quốc tế, và cần tập trung vào các bài học được rút ra từ thực tế ở Việt Nam và trên thế giới nhằm thực hiện tốt các chương trình và các dự án liên quan đến những chủ đề trên. Cuộc họp này cần trình bày những dự án và những cách tiếp cận thành công, phân tích các yếu tố quyết định thành công và tập trung vào các

yếu tố nào có thể nhân rộng được. Các hội nghị này tốt nhất tiến hành thông qua diễn đàn môi trường của UNDP hợp tác với Bộ KHCN&MT.

Trong suốt năm, diễn đàn cần duy trì động lực của mình thông qua việc xuất bản định kỳ một tờ tin về ODA môi trường bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Một bản tin được phát bằng thư điện tử, fax hoặc bưu điện, về việc thực hiện các viện trợ môi trường ở Việt Nam, sẽ nâng cao được hình ảnh môi trường trong cộng đồng viện trợ cho Việt Nam và trong nội bộ Chính phủ. Bản tin này sẽ cung cấp cho các cộng đồng quan tâm các thông tin về các chính sách, chương trình và dự án hiện có, hoặc dự kiến trong kế hoạch liên quan đến môi trường Việt Nam, như các chuyển ra vào của các quan chức viện trợ môi trường, các nhân viên thực hiện dự án môi trường và các phái đoàn kiểm tra và đánh giá môi trường. Bản tin này cần nêu đầy đủ những thay đổi trong các chính sách của các quốc gia tài trợ và ảnh hưởng của các chính sách đó đến môi trường như thế nào. Bản tin này cũng thường xuyên nêu lên những cơ quan, những chương trình, những dự án và những khu vực, và cũng đăng tải những bài mà các thành viên của cộng đồng môi trường ở Việt Nam tình nguyện viết.

Với tính chất như vậy, bản tin này sẽ trở thành một công cụ để tăng cường điều phối và là một phương tiện " cửa hàng dùng chân" cho những người muốn theo dõi lĩnh vực này, nhưng không có khả năng dành thời gian cần thiết để nghiên cứu.

Bản tin ODA môi trường tốt nhất là được tập đoàn các nhà tài trợ ủng hộ theo cơ chế tư vấn hiện có của UNDP.

50. Triệu tập các cuộc họp thường kỳ của các chuyên gia kỹ thuật quốc tế về các dự án môi trường.

Các chuyên gia kỹ thuật của các dự án môi trường cũng cần thường xuyên gặp nhau ngoài khung cảnh các cuộc họp chính thức của họ với các nhà tài trợ, hoặc các cuộc gặp mặt rộng rãi hơn, có cả các nhân viên dự án Việt Nam, để trao đổi kinh nghiệm và các bài học rút ra. Đây cũng là một biện pháp quan trọng để đảm bảo tích lũy được các kinh nghiệm qua nhiều năm phục vụ, để hoàn thiện phương thức viện trợ và công tác quy hoạch các hành động can thiệp viện trợ trong tương lai.

Diễn đàn cho các chuyên gia kỹ thuật có thể tập trung vào các chủ đề môi trường, nghiên cứu các cách tiếp cận và so sánh việc thực hiện ở những vùng địa lý cụ thể. Một phần của mỗi cuộc họp cũng nên có phần tham dự của các quan chức viện trợ, chịu trách nhiệm lập chương trình môi trường tại Việt Nam, bởi vì kinh nghiệm từ "thực tiễn khai thác hầm than" là cách kiểm tra thực tế quan trọng. Một phần nữa của những cuộc họp này cũng nên dành cho các cuộc thảo luận cởi mở, dành riêng cho các chuyên gia kỹ thuật.

Chính phủ cũng nên tổ chức các cuộc họp tương tự, bao gồm các giám đốc dự án quốc gia và hai nhóm này nên cùng nhau thảo luận khi có các vấn đề có thể hợp tác với nhau giải quyết có kết quả.

Các nhà tài trợ cần phải hỗ trợ thoả đáng (như kinh phí và hỗ trợ chuyên gia tư vấn) cho các cuộc họp này, thông qua UNDP, nhằm đảm bảo sao cho các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo, được ghi chép và theo dõi.

Vấn đề then chốt ở đây là duy trì động thái cộng tác do công trình nghiên cứu này tạo ra. Một số kiến nghị đưa ra rất thẳng thắn và có thể thực hiện thông qua các chương trình, như:

Biển báo cáo này thành thông tin chỉ dẫn bắt buộc đối với tất cả các đoàn công tác viện trợ, cũng như yêu cầu các báo cáo của đoàn viện trợ phải trình bày cách có thể thực hiện/đã thực hiện các khuyến nghị nghiên cứu ra sao

Tích cực nuôi dưỡng báo cáo này trong quy trình chiến lược môi trường quốc gia hiện nay

Cam kết tổ chức hội nghị hàng năm về viện trợ môi trường

Cam kết duy trì và tăng cường cơ sở dữ liệu ODA môi trường và làm cho cơ sở dữ liệu này trở thành một sáng kiến chung của UNDP/Bộ KH&ĐT

Đưa vào đào tạo ngôn ngữ và tính nhạy cảm về văn hoá cho tất cả chuyên gia quốc tế và các giám đốc dự án quốc gia.

Cuối cùng, khuyến nghị chủ yếu của công trình nghiên cứu này là tăng tỷ lệ viện trợ môi trường từ 10 đến 20% tổng viện trợ ODA chảy vào Việt Nam. Vấn đề tăng tỷ lệ viện trợ và một số các nguyên tắc chính được ủng hộ trong báo cáo này, cần được thảo luận như những vấn đề trung tâm của chương trình nghị sự các cuộc họp tương lai của Nhóm tư vấn. UNDP, WB và các thành viên khác của Nhóm tư vấn, hãy làm việc chặt chẽ với Bộ KH&ĐT để đảm bảo vấn đề này được thực hiện.